

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 101/2022/DS-PT

Ngày: 07-12-2022

V/v *Tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN**

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Quang.

Các Thẩm phán: Ông Lê Trúc Lâm và bà Vũ Ngọc Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ý Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên: Bà Trần Thị Thu Anh - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 07 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 73/2022/DSPT ngày 03/10/2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*”

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 18/2022/DS-ST ngày 01/8/2022 của Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 94/2022/QĐ-PT ngày 31/10/2022, quyết định hoãn phiên tòa số 153/2022/QĐ-PT ngày 18/11/2022, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ông Lê T, sinh năm 1986; Tên gọi khác: T1; Địa chỉ: Khu phố A, phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

*** Bị đơn:** Vợ chồng bà Phan Thị N, sinh năm 1970 và ông Trần H, sinh năm 1968. Địa chỉ: Thôn P, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông Lưu Ngọc C, Văn phòng Luật sư N– Đoàn Luật sư tỉnh Phú Yên; địa chỉ: 82 N, phường 7, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

- Ông Dương Tấn L, sinh năm 1998
- Ông Trần N, sinh năm 1984
- Ông Dương Văn T, sinh năm 1988
- Ông Đặng Q, sinh năm 1974 (tên gọi khác: Quang)
- Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1972 (tên gọi khác: Cũ)
- Bà Đặng Thị Thúy P, sinh năm 1973

- Ông Lê Văn Tsinh năm 1991
- Bà Võ Thị Đ, sinh năm 1968 (tên gọi khác: Tá)
- Ông Dương Tấn B, sinh năm 1988
- Ông Huỳnh Văn Q, sinh năm 1978 (tên gọi khác: Canh)
- Ông Lê Văn S, sinh năm 1980 (tên gọi khác: Xinh)
- Ông Lê Văn V, sinh năm 1993
- Ông lê Văn B, sinh năm 1961 (tên gọi khác: Tháp)
- Bà Võ Thị N, sinh năm 1970 (tên gọi khác: Lượm)
- Ông Huỳnh Duy Q, sinh năm 1990
- Ông Huỳnh Duy N, sinh năm 1993
- Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1978

Đều trú tại: KP A, P. X, thị xã S, tỉnh Phú Yên

- Bà Võ Thị U, sinh năm 1979
- Ông Nguyễn T, sinh năm 1970
- Ông Võ Đức B, sinh năm 1977
- Ông Lê Tấn D
- Ông Lê Tấn Đ, sinh năm 1991 (tên gọi khác: C)
- Bà Lê Thị Đ, sinh năm 1985
- Ông Phan Văn L, sinh năm 1976
- Ông Phan Chí L, sinh năm 1982

Đều trú tại: KP P, P. X, thị xã S, tỉnh Phú Yên

- Ông Phạm Văn N, sinh năm 1980 (tên gọi khác: Q)
- Ông Phạm Văn H, sinh năm 1993

Đều trú tại: Thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên

- Ông Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1984 (tên gọi khác: Q)
- Ông Lê T, sinh năm 1965

Trú tại: Thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên

- Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1988

Đều trú tại: Thôn C, xã X1, thị xã S, tỉnh Phú Yên

- Ông Phạm Tấn T, sinh năm 1979
- Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1979
- Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1954 (tên gọi khác: X)

Đều trú tại: Thôn Q, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên

- Ông Lê Văn B, sinh năm 1989

- Ông Lê Ngọc Đ, sinh năm 1989

Đều trú tại: Thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên

- Ông Phạm Văn C, sinh năm 1987 (tên gọi khác: C)

Trú tại: Thôn B, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên

- Ông Đỗ Trung Q, sinh năm 1974 (tên gọi khác: B)

Trú tại: Thôn T, xã An N, huyện T, tỉnh Phú Yên

- Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1970

- Ông Nguyễn B, sinh năm 1968 (tên gọi khác: T)

- Ông Hồ Văn T, sinh năm 1985

Đều trú tại: KP M, P. X, thị xã S, tỉnh Phú Yên

- Ông Nguyễn Tấn S, sinh năm 1989

Trú tại: Thôn 5, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên

- Bà Thái Thị Kim X, sinh năm 1976 (tên gọi khác: S)

Trú tại: Thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên

Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1979

Ông Võ Tấn T, sinh năm 2000

Đều trú tại: Thôn 2, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên

Ông Phạm Văn T, sinh năm 1982

Trú tại: Thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên.

Đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 21 tháng 6 năm 2021, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Lê T trình bày:*

Từ ngày 20 đến ngày 27 tháng 12 âm lịch (AL) năm 2019 ông T (tên thường gọi là T) có thu mua tôm hùm của người dân và bán cho vợ chồng ông Trần H, bà Phan Thị N. Với tổng số tiền bán tôm là 6.446.030.000đ và tiền hoa hồng mà bà N hứa trả cho ông T là 5.000đ/1kg, tổng số tiền là 46.000.000đ. Tổng cộng tiền bán tôm và tiền hoa hồng là 6.492.030.000đ. Sau khi mua bán kết thúc đối chiếu, khi chốt sổ số tiền, vợ chồng bà N và ông H có ghi bên sổ ông T chữ “TC 6.446.030.000đ, Cô nga (46.000.000đ) – 2230.000” (tức 2.230.000.000đ); theo sổ này thì số 6.446.030.000đ là chữ ông T ghi, còn số 2230.000 (tức 2.230.000.000đ) là chữ do bà N ghi, còn sổ ghi:

6446030

-2230000 Đưa thạch

4216030

Tại phiên đối chất ngày 12/4/2022 bà N thừa nhận chữ số và chữ viết này là của bà N viết vào sổ ông T. Chính bà N trực tiếp ghi số “6446030”, là số tiền 6.446.030.000đ, số “2230000” là số tiền 2.230.000.000đ, còn số “4216030” là số tiền 4.216.030.000đ. Sau đó vợ chồng ông H, bà N đã thanh toán cho ông T số tiền 3.940.595.000đ, trong đó đưa tiền mặt nhiều lần 2.230.000.000đ (Hai tỷ hai trăm ba mươi triệu đồng) và 1.710.595.000đ là tiền thức ăn cho tôm mà vợ chồng bà N giao cho những người mà ông Tròn đã mua tôm bán lại cho vợ chồng N, H còn nợ, để trừ tiền ông T nợ họ và ông T đã trừ tiền bà N nợ với số tiền là 1.710.595.000đ (gồm Đ 442.290.000đ; T số tiền 123.170.000đ; Tư ông 40.370.000đ; S cột chèo Đ 71.905.000đ; S Thôn 5, T 228.465.000đ; L B số tiền 300.000.000đ; T, Đ, C (Nhà Mười D) số tiền 354.398.000đ, ông T lấy thức ăn của bà N cho tôm ăn số tiền 150.000.000đ). Nên vợ chồng bà N còn nợ ông T số tiền mua tôm còn nợ là 2.505.435.000đ, quá trình mua bán tôm bà N hứa trả tiền hoa hồng cho ông T mỗi kg 5.000đ, tổng cộng số tiền 46.000.000đ.

Nay ông T căn cứ vào sổ ghi số tiền từng người, sau khi khởi kiện ông đã phô tô đưa cho những người bán tôm ký xác nhận và 01 sổ hóa đơn của bà N ghi ký tên N chứng minh cho việc mua bán tôm và số nợ vợ chồng bà N nợ ông.

Việc bà N trình bày vợ chồng bà N bỏ mỗi cho bà S 333.000.000đ trừ nợ là không đúng; chỉ trừ tiền mỗi với số tiền 123.170.000đ; ông S - em cột chèo Đ và Đ lớn với số tiền là 697.000.000đ là không đúng mà chỉ có 514.195.000đ; ông C, bà Đ, bà T với số tiền bỏ mỗi trừ nợ là 500.000.000đ là không đúng mà chỉ có 354.398.000đ.

Nay ông Tròn yêu cầu vợ chồng bà N, ông H phải trả cho ông T với số tiền 2.551.435.000đ.

** Tại biên phiên hòa giải ngày 02 tháng 11 năm 2021 và trong quá trình giải quyết vụ án bà Phan Thị N trình bày:* Bà N thừa nhận trong khoảng thời gian từ ngày 20/12AL/ 2019 đến ngày 27/12AL/ 2019 có mua lại tôm của ông Lê T (tên thường gọi là T) và có chót nợ với tổng số tiền là 5.130.000.000đ, bà đã trả nhiều lần cho ông T với số tiền 2.230.000.000đ và bà bỏ thức ăn cho tôm để trừ nợ cho những người như bà S với số tiền khoảng 333.000.000đ, ông S với số khoảng 679.000.000đ, em rể ông S với số tiền khoảng 92.000.000đ, nhà T, C, Đ với số tiền khoảng 500.000.000đ, L, B với số tiền khoảng 300.000.000đ, ông T khoảng 150.000.000đ. Tổng số tiền khoảng 2.570.000.000đ. Vợ chồng bà đã trả cho ông T số tiền 4.302.000.000đ. Còn nợ lại khoảng 828.000.000đ. Do làm ăn bị Trung Quốc lừa gạt, không còn khả năng trả nợ nữa và một vài năm bà làm ăn có tiền thì sẽ trả dần cho ông T. Riêng số tiền 46.000.000đ tiền hoa hồng do ông T cò tôm, bà có hứa trả, nhưng nay bà khó khăn nên xin ông T không lấy.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Điều thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn ông Lê T. Riêng ông Lê Đại S xác định tiền mua thức ăn cho tôm của gia đình ông là 697.000.000đ.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 18/2022/DS-ST ngày 01/8/2022 của Tòa án nhân dân thị xã S đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 430, 440 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê T. Buộc vợ chồng ông Trần H và bà Phan Thị N trả cho ông Lê T số tiền 2.505.435.000đ và 46.000.000đ tiền hoa hồng, tổng cộng 2.551.435.000đ (*Hai tỷ năm trăm năm mươi một triệu bốn trăm ba mươi lăm nghìn đồng*).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 15/8/2022, bị đơn bà Phan Thị N, ông Trần H có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Bị đơn và Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn cho rằng số tiền mua tôm thông qua môi giới ông Lê T là 5.244.405.000đ, đã trả chuyển khoản và tiền mặt 2.240.000.000đ và trừ tiền thức ăn cho tôm 2.290.700.000đ, chỉ còn nợ 713.705.000đ và 46.000.000đ tiền hoa hồng.

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm của Thẩm phán, HĐXX và những người tham gia tố tụng là đúng quy định pháp luật tố tụng. Về nội dung: Qua đối chiếu chứng cứ nguyên đơn cung cấp, sự xác nhận của những người bán tôm, mua thức ăn tôm và sự thừa nhận của bà N tại các biên bản đối chất, xác định được từ ngày 20/12 đến 27/12/2019AL, có 45 người, 59 lượt bán tôm cho vợ chồng bà N, ông H thông qua môi giới ông Lê T với số tiền 6.446.030.000đ và số tiền mua bán thức ăn tôm là 1.893.405.000đ. Còn số tiền bà N ông H đã trả bằng chuyển khoản và tiền mặt, tại phiên tòa phúc thẩm ông T và bà N xác định là 2.240.000.000đ. Do đó, bị đơn vợ chồng bà N, ông H còn phải trả cho ông T là 2.312.625.000đ và 46.000.000đ tiền hoa hồng, tổng cộng 2.358.625.000đ. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 2.358.625.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến các bên đương sự, kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn bà Phan Thị N, ông Trần H kháng cáo và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm trong hạn luật định là kháng cáo hợp lệ được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về việc xác định tư cách người tham gia tố tụng: Cấp sơ thẩm xác định những người bán tôm và mua thức ăn tôm của vợ chồng bà N, ông H là người làm chứng là không đúng, cấp phúc thẩm xác định lại là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

[2] *Về nội dung kháng cáo của bị đơn:*

Về số tiền mua bán tôm: Nguyên đơn ông Lê T xác định 6.446.030.000đ, bị đơn vợ chồng ông Trần H, bà Phan Thị N chỉ thừa nhận 5.130.000.000đ. Nhưng tại Biên bản đối chất ngày 12/4/2022 (bút lục số 160, 161) – Ông Lê T trình bày từ ngày 20/12/2019 AL đến ngày 27/12/2019 AL có 45 người bán tôm cho bà N với tổng số tiền 6.446.030.000đ. Bà Phan Thị N trình bày có nội dung “*Tôi thừa nhận trong khoảng thời gian từ ngày 20/12/2019AL đến ngày 27/12/2019AL ông Tròn có môi giới cho những người bán tôm cho tôi N như ông T trình bày...*” và cũng tại biên bản đối chất này bà Phan Thị N trình bày nội dung “*Tôi thừa nhận chữ số ghi*

6446030

- Đưa T

2230000

4216030

Viết trong sổ ông T mà ông T đưa ra là chữ số, chữ viết do tôi N, ghi và viết.”. Tuy nhiên, qua kiểm tra chứng cứ do nguyên đơn ông T cung cấp, những người bán tôm cho vợ chồng bà N, ông H xác nhận và sự thừa nhận của bị đơn, Luật sư của bị đơn tại phiên tòa phúc thẩm từ ngày 20/12 đến 27/12/2019AL có 45 người, 59 lượt bán tôm cho bà N với số tiền 6.452.130.000đ, cụ thể:

Ngày 20/12/2019AL: Có 03 người bán, tổng số tiền 168.579.000đ, gồm 03 người bán:

- Phạm Văn N: 46.281.000đ
- Phạm Văn H (H): 80.935.000đ
- Nguyễn Ngọc H (Q): 41.363.000đ

Ngày 21/12/2019AL: Có 01 người bán là ông Nguyễn T (T) với số tiền 266.565.000đ

Ngày 22/12/2019AL: Có 04 người bán, tổng số tiền 789.025.000đ, gồm:

- Nguyễn Văn T (M): 136.255.000đ
- Thái Thị Kim X (X): 293.920.000đ
- Võ Đức B: 282.615.000đ
- Phạm Tấn T: 76.235.000đ

Ngày 23/12/2019AL: Có 09 người bán, tổng số tiền 1.144.608.000đ, gồm:

- Võ Thị U (Đ): 350.383.000đ
- Phan Chí L: 189.133.000đ
- Phan Văn L: 128.029.000đ
- Lê T (C): 34.751.000đ
- Nguyễn Tấn S: 192.827.000đ
- Nguyễn Văn H: 40.985.000đ
- Nguyễn Văn L (X): 189.319.000đ
- Lê T (T): 13.523.000đ
- Nguyễn Văn T (K): 5.658.000đ

Ngày 24/12/2019AL: Có 15 người, 16 lượt bán, tổng số tiền 1.640.469.000đ, gồm:

- Võ Thị N (L): 166.151.000đ
- Huỳnh Duy Q: 72.076.000đ
- Huỳnh Duy N: 12.134.000đ
- Dương Tấn L (X): 35.048.000đ
- Dương Tấn B: 50.286.000đ
- Dương Tấn T: 74.460.000đ
- Võ Thị Đ (T): 73.066.000đ
- Lê Ngọc Đ (P): 59.398.000đ
- Nguyễn Tấn S: 43.860.000đ
- Đỗ Trung Q (B): 147.863.000đ
- Lê Tấn Đ (C): 411.513.000đ
- Lê Tấn Đ (C): 17.933.000đ
- Lê Thị Đ: 107.855.000đ
- Nguyễn Văn B (T): 138.726.000đ
- Nguyễn Văn S: 121.708.000đ
- Huỳnh Văn Q (C): 108.392.000đ

Ngày 25/12/2019AL: Có 06 người, 09 lượt bán, tổng số tiền 721.700.000đ, gồm:

- Trần N: 63.444.000đ
- Phạm Văn C (C): 36.584.000đ
- Lê Tấn D (110 D): 127.097.000đ

- Đặng Thị Thúy P: 198.520.000đ
- Đặng Q (Q): 79.380.000đ
- Võ Thị U (Đ 1): 91.905.000đ
- Võ Thị U (Đ 2): 19.390.000đ
- Võ Thị U (Đ 3): 74.965.000đ
- Võ Thị U (Đ 4): 30.415.000đ

Ngày 26/12/2019AL: Có 04 người, 05 lượt bán, tổng số tiền 592.230.000đ, gồm:

- Lê Văn B: 146.830.000đ
- Hồ Văn T: 45.770.000đ
- Võ Thị U (Đ 1): 238.645.000đ
- Võ Thị U (Đ 2): 28.490.000đ
- Võ Đức B: 132.495.000đ

Ngày 27/12/2019 AL: Có 11 người, 12 lượt bán, tổng số tiền 1.128.954.000đ, gồm:

- Dương Tấn B: 86.680.000đ
- Lê Văn B: 44.570.000đ
- Lê Văn V: 12.705.000đ
- Lê Văn T: 41.155.000đ
- Lê Văn S: 162.962.000đ
- Nguyễn Thị C (C): 137.120.000đ
- Phạm Tấn T 1: 380.835.000đ
- Phạm Tấn T 2: 16.427.000đ
- Nguyễn Văn P: 65.025.000đ
- Võ Tấn T: 39.655.000đ
- Võ Thị Đ (T): 75.410.000đ
- Dương Tấn T: 66.410.000đ

Tổng cộng với số tiền là 6.452.130.000đ, nhưng ông T chỉ khởi kiện yêu cầu 6.446.030.000đ, nên chấp nhận với yêu cầu của ông T.

Trong 45 người bán tôm và mua thức ăn tôm đều có ký xác nhận, riêng ông Lê Đại S không có Giấy xác nhận hoặc ký vào sổ của ông T – Ông T cung cấp gia đình ông S bán tôm trong 03 ngày (23/12/2019AL: 380.835.000đ, 25/12/2019AL: 04 lần với số tiền 216.675.000đ, 26/12/2019AL: 02 lần bán với số tiền 267.135.000đ), tổng cộng là 864.645.000đ. Tại lời khai ngày 18/01/2022 (bút lục số 136), ông Lê Đại S trình bày có nội dung “Tôi nhớ ông T cò tôm tôi

cân cho vợ chồng N H khoảng tiền chín trăm triệu đồng. Theo như sổ mua bán tôm mà ông T cung cấp cho tòa là đúng. Sau khi cân tôm vợ chồng N H không thanh toán tiền cho tôi, ông T thanh toán tiền cho tôi khoảng hơn hai trăm triệu đồng. Vợ chồng N H cân mỗi tôm cho tôi khoảng gần bảy trăm triệu đồng trừ vào số tiền ông T cò mua tôm của tôi”. Điều này phù hợp với chứng cứ của ông T cung cấp và sự xác nhận của bà N về thức ăn cho tôm.

Về số tiền mua bán thức ăn tôm: Bị đơn vợ chồng ông Trần H, bà Phan Thị N xác định là 2.570.000.000đ, cụ thể: Anh em ông Đ 697.000.000đ, bà S (Thái Thị Kim X) 333.000.000đ, các anh chị em bà Đ 500.000.000đ, L B 300.000.000đ, ông S 228.465.000đ, ông T 40.370.000đ, ông T 150.000.000đ. Còn nguyên đơn ông Lê T chỉ thừa nhận 1.710.000.000đ, cụ thể: Anh em ông Đ 514.195.000đ, bà S (Thái Thị Kim X) 123.170.000đ, các anh chị em bà Đ 354.398.000đ, L B 300.000.000đ, ông Sang 228.465.000đ, ông T 40.370.000đ, ông T 150.000.000đ. Còn người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Đại S tại biên bản đối chất ngày 21/6/2022 (bút lục số 189, 190) ông S xác định gia đình của ông S mua thức ăn tôm với số tiền 697.000.000đ; Tại giấy xác nhận mua bán tôm và trừ tiền môi (bút lục số 75), bà Thái Thị Kim X xác nhận có mua thức ăn tôm của bà N với số tiền 123.170.000đ; Tại giấy xác nhận mua bán tôm và trừ tiền môi (bút lục 63 và 64) bà Lê Thị Đ (T, Đ, C nhà 10 D) trình bày: N H bỏ mỗi tôm cho gia đình bà là 354.398.000đ chứ không phải 500.000.000đ. Bà N, ông H là người bán thức ăn tôm phải có nghĩa vụ chứng minh, nhưng bà N, ông H không xuất trình được chứng cứ để chứng minh việc bị đơn đã bán cho bà Thái Thị Kim X 333.000.000đ, phải chấp nhận theo sự thừa nhận của người mua bà X với số tiền 123.170.000đ; ông H, bà N không xuất trình được chứng cứ chứng minh bán cho gia đình bà Đ 500.000.000đ, phải chấp nhận theo sự thừa nhận của bà Đ và ông T với số tiền 354.400.000đ. Riêng đối với gia đình ông Lê Đại S, ông S đã thừa nhận như bà N, phải được chấp nhận theo số tiền của bà N xác định 697.000.000đ, khoản này cấp sơ thẩm chỉ chấp nhận theo yêu cầu của ông Tròn với số tiền 514.195.000đ là có sai lầm trong đánh giá chứng cứ. Do đó, số tiền mua bán thức ăn tôm được xác định là 1.893.405.000đ (Anh em ông Lê Đại S 697.000.000đ + bà X 123.170.000đ + gia đình bà Đ 354.400.000đ + L B 300.000.000đ + ông S 228.465.000đ + ông T 40.370.000đ + ông T 150.000.000đ = 1.893.405.000đ).

Về số tiền bị đơn vợ chồng ông H, bà N đã trả tiền mua tôm cho nguyên đơn ông Lê T và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (người mua thức ăn tôm): Trả nhiều lần bằng chuyển khoản và tiền mặt là 2.240.000.000đ và tiền bán thức ăn tôm 1.893.405.000đ, tổng cộng là 4.133.405.000đ.

Như vậy số tiền mua tôm bị đơn vợ chồng ông H, bà N còn nợ nguyên đơn ông Lê T là 2.312.625.000đ (6.446.030.000đ - 4.133.405.000đ = 2.312.625.000đ). Ngoài ra ông H, bà N còn phải trả cho ông T khoản tiền hoa hồng 46.000.000đ. Tổng cộng hai khoản là 2.358.625.000đ.

Xét lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Trần H, bà Phan Thị N.

Về án phí: Bị đơn phải chịu 79.172.000đ (72.000.000đ + 2% của 358.625.000đ) án phí dân sự thẩm và không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Nhưng bị đơn có đơn xin miễn giảm tiền án phí được UBND xã X xác nhận gia đình ông H, bà N đang gặp khó khăn, nên xét giảm cho bị đơn 50% tiền án phí dân sự sơ thẩm, còn phải nộp 39.586.000đ.

Nguyên đơn ông Lê T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền không được chấp nhận là 9.140.000đ (5% của 182.810.000đ = 9.140.000đ).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Trần H, bà Phan Thị N – sửa quyết định của bản án sơ thẩm về khoản tiền mua bán thức ăn tôm.

Áp dụng các Điều 430, Điều 440 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê T. Buộc vợ chồng ông Trần H, bà Phan Thị N phải trả cho ông Lê T số tiền 2.358.625.000đ, trong đó: 2.312.625.000đ tiền mua bán tôm và 46.000.000đ tiền hoa hồng.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê T đối với số tiền 182.810.000đ, vì không có căn cứ.

Về án phí: Bị đơn phải chịu 79.172.000đ án phí dân sự sơ thẩm nhưng được giảm 50% còn 39.586.000đ và khấu trừ 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 003236 ngày 31/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã S, còn phải nộp 39.286.000đ.

Nguyên đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu không được chấp nhận 9.140.000đ, được khấu trừ số tiền 42.395.000đ đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai số 0005329 ngày 30/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã S nên được hoàn lại 33.255.000đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền phải thi hành, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Phú Yên (2);
- TAND TX Sông Cầu (2);
- CC THADS TX Sông Cầu;
- P. NVKT;
- Các đương sự;
- Lưu AV, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Quang